

Số: **839**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **29** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 170/TTr-SNV ngày 27/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm trong Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1, Điều 4 như sau:

“Văn bản điện tử đã ký số theo quy định của pháp luật được gửi, nhận, xử lý qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành quy định tại Quy chế này có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 4 như sau:

“Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản điện tử đối với văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, đối với văn bản hành chính thực hiện theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 4 như sau:

“Sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen để thể hiện các nội dung văn bản điện tử”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 5 như sau:

“Danh mục các văn bản điện tử gửi, nhận, xử lý và quản lý trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành không gửi kèm bản giấy:

a) Văn bản quy phạm pháp luật: Thông tư, Thông tư liên tịch, Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Quyết định của UBND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

b) Văn bản hành chính: Nghị quyết (cá biệt), quyết định (cá biệt), chỉ thị, quy chế, quy định, thông cáo, thông báo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, dự án, báo cáo, tờ trình, công văn, công điện, giấy ủy quyền, giấy mời, phiếu gửi, phiếu chuyển, phiếu báo.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 5 như sau:

“Danh mục văn bản điện tử gửi kèm bản giấy:

a) Văn bản quy phạm pháp luật gửi đến các cơ quan: cơ quan kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan đăng Công báo, đăng trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Văn bản, hồ sơ bắt buộc phải gửi bản giấy theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật mức Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Văn bản, hồ sơ có thành phần phức tạp, khó khăn trong việc số hoá bao gồm bản đồ, bản vẽ thiết kế, ấn phẩm, vật phẩm ...

d) Văn bản, hồ sơ liên quan đến quy hoạch; tài chính; tổ chức; bộ máy; nhân sự; chế độ chính sách đối với công chức, viên chức”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 11 như sau:

“Mã định danh cơ quan, tổ chức theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT- NC – VX - HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chiến Thắng